

Bản án số: 39/2019/HNGĐ-PT
Ngày: 05-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con,
chia tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tư

Các Thẩm phán: Ông Triệu Quốc Hiếu
Bà Huỳnh Thị Kiều Duyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kim Ni – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Văn Bé
Tư – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 05 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét
xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 36/2019/TLPT – HNGĐ ngày 08 tháng
10 năm 2019 về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con, chia tài sản”.

Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 70/2019/HNGĐ-ST ngày 16
tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long bị kháng
cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm: 45/2019/QĐ-PT ngày 08
tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Hồng A, sinh năm 1976; nơi cư trú: Số
258/11A, đường X phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Thới B, sinh năm 1981; nơi cư trú: Số 258/11A,
đường X phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

Người E vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn ông Phạm Hoài Duy T, Văn phòng luật sư Hồng Anh, thuộc đoàn luật sư tỉnh Vĩnh Long (Có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Lê Văn C, sinh năm 1993 (Có mặt).

2. Chị Mai Ngọc Trúc D, sinh năm 1992 (Có mặt).

Nơi cư trú: Số 258/11A, đường X phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Do có kháng cáo của: Bà Nguyễn Thị Hồng A – Là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Trong đơn khởi kiện ngày 05/12/2018 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng A trình bày:*

Sau khi quen biết và tìm hiểu nhau được một thời gian thì bà và ông Nguyễn Thới B quyết định đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn ngày 15/3/2006 tại Ủy ban nhân dân Phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi cưới nhau vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng đến năm 2009 phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng đã ly thân 06 năm nay. Về con chung có 01 chung tên Nguyễn Thới E, sinh ngày 24/3/2004; bà yêu cầu được nuôi con nhưng không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thới B thì bà đồng ý chia đôi căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa số 487, tờ bản đồ số 32, diện tích 254,3m², tọa lạc tại khóm X1, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long bằng hiện vật. Riêng đối với số tiền bán xe ô tô còn lại 540.000.000đ thì bà không đồng ý theo yêu cầu của ông B, vì xe này không phải là tài sản chung của vợ chồng mà do anh Lê Văn C (con riêng của bà) mua nhưng nhờ ông B đứng tên và nhờ ông B đứng ra vay tiền của Ngân hàng dùm, sau khi mua xe xong thì C sử dụng để kinh doanh cho thuê xe, do kinh doanh không hiệu quả nên C đã bán xe, sau khi trả nợ Ngân hàng thì số tiền còn lại 540.000.000đ, C tiếp tục trả nợ bên ngoài do vay mượn khi mua xe là 280.000.000đ, số tiền còn lại khoảng 260.000.000đ, số tiền này do C đang quản lý, sử dụng. Bà khẳng định xe này là của anh C nên không đồng ý chia theo yêu cầu của ông B. Còn các tài sản khác như xe mô tô, xe đạp và tài sản vật dụng sinh hoạt trong gia đình như máy lạnh, tủ lạnh, ti vi, bàn, tủ, ghế,... vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Trong đơn khởi kiện yêu cầu phản tố ngày 28/01/2019, cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn Nguyễn Thới B trình bày:*

Ông B thống nhất với bà A trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung. Ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nữa, vợ chồng đã ly thân một thời gian dài, nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà A và đồng ý giao con chung bà A nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Ông B yêu cầu chia đôi căn nhà gắn liền với quyền sử dụng đất thuộc thửa số 487, tờ bản đồ số 32, diện tích 254,3m², tọa lạc tại khóm 6, Phường 5, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long và yêu cầu nhận bằng hiện vật do không có chỗ ở nào khác; đối với khoản tiền bán xe ô tô còn lại 540.000.000đ, ông yêu cầu chia cho ông 1/2 bằng 270.000.000đ. Còn các tài sản khác như xe mô tô, xe đạp và tài sản vật dụng sinh hoạt trong gia đình như máy lạnh, tủ lạnh, ti vi, bàn, tủ, ghế,... thì ông tự thỏa thuận với bà A, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Tại Biên bản hòa giải ngày 13/02/2019 cùng các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Lê Văn C trình bày:*

Anh là con ruột của bà A, sống chung bà A và ông B từ nhỏ đến nay. Trong quá trình sống chung, vào cuối tháng 8/2016 anh có mua xe ô tô của cửa hàng xe Toyota ở Quận Y2, thành phố Hồ Chí Minh với giá 947.000.000đ, hình thức trả góp, trả trước 600.000.000đ; nguồn tiền có được là của anh dành dụm khoảng 320.000.000đ và tiền anh vay mượn bên ngoài 280.000.000đ; số tiền còn lại vay của Ngân hàng Eximbank và trả dần hàng tháng. Tuy nhiên, do lúc đó anh còn độc thân, không đủ tiền mua xe nên anh không đủ điều kiện để đứng tên vay, cho nên anh nhờ ông B, bà A đứng ra ký kết hợp đồng mua xe và đứng tên vay tiền ngân hàng, đồng thời ông B đứng tên chủ quyền xe ô tô. Việc trả tiền góp hàng tháng là do anh đi trả, mỗi lần trả khoảng 11.000.000đ, ông B có trả vài lần nhưng tiền là của anh đưa đi trả, nguồn tiền có được do anh chạy xe và cho thuê xe mà có.

Mục đích mua xe là để kinh doanh dịch vụ cho thuê xe nhưng không hiệu quả nên anh quyết định bán xe để trả nợ. Do ông B đứng tên xe nên anh nhờ ông B đứng ra ký tên bán, nhưng tiền do anh giữ là 820.000.000đ; số tiền này anh trả nợ ngân hàng 280.000.000đ; số tiền còn lại là 540.000.000đ do anh giữ, anh trả nợ bên ngoài khoảng 280.000.000đ; còn lại hơn 260.000.000đ anh đang quản lý

sử dụng. Anh C khẳng định xe ô tô là của cá nhân anh, nhưng nhờ ông B đứng tên dùm. Do đó không đồng ý trả lại theo yêu cầu của ông B.

**Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Mai Ngọc Trúc D trình bày:* Chị là vợ của anh Lê Văn C, chị thống nhất ý kiến của anh C, không trình bày gì thêm.

**Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 70/2019/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long đã quyết định như sau:*

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 157, khoản 2 Điều 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Điều 56, Điều 59, Điều 62, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 và khoản 5, khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Hồng A. Bà A được ly hôn với ông Nguyễn Thới B.

2. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Thới E, sinh ngày 24/3/2004 cho bà Nguyễn Thị Hồng A nuôi dưỡng; bà A không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con. Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con trẻ khi cần thiết có thể thay đổi quyền nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng cho con.

3. *Về tài sản chung:* Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Thới B.

- Chia cho ông Nguyễn Thới B quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 110,8m² (trong đó đất ở 52,3m², đất trồng cây lâu năm 58,5m²) thuộc chiết thửa số 487-1 tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khóm X1, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long, theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Z.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Hồng A quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 139,5m² (trong đó đất ở 52,3m², đất trồng cây lâu năm 87,2m²) thuộc chiết thửa số 487-3 tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khóm X1, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long, theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Z. Bà A có nghĩa vụ thòi lại cho ông B số tiền 29.018.000đ (Hai mươi chín triệu không trăm mười tám ngàn đồng).

- Công nhận diện tích 04m² (Bốn) thuộc chiết thửa 487-2, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khóm 6, Phường 5, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long là lối đi chung của ông B và bà A, theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/5/2019 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố Z.

Ông Nguyễn Thới B và bà Nguyễn Thị Hồng A có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

Công nhận cho anh Lê Văn C được hưởng số tiền tổng cộng 360.000.000đ (Ba trăm sáu mươi triệu đồng) trong số tiền bán xe ô tô hiện anh C đang giữ. Anh C có nghĩa vụ giao lại cho ông Nguyễn Thới B số tiền 180.000.000đ (Một trăm tám mươi triệu đồng).

4. Về nợ chung: Các đương sự không có yêu cầu giải quyết.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên về án phí, về chi phí tố tụng khác, về nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

- Ngày 27/8/2019 nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng A kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung: Yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 1.000.000đồng đến suốt đời; Không đồng ý trả cho ông B số tiền chia tài sản chung là 29.018.000đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng A giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu E mỗi tháng là 1.000.000đồng đến suốt đời. Không đồng ý trả cho ông B số tiền chia tài sản chung là 29.018.000đồng.

Người E vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn và bị đơn Nguyễn Thới B đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bà A, đề nghị giữ nguyên án sơ thẩm.

Vị Kiểm sát viên - Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến về tính có căn cứ và hợp pháp việc kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng A; về việc tuân theo pháp luật của những người tiến hành tố tụng và

những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm; Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về phần bản án, quyết định sơ thẩm bị kháng cáo và đề nghị căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Chấp nhận một phần kháng cáo của nguyên đơn bà A: Công nhận sự tự nguyện của ông Nguyễn Thới B cấp dưỡng nuôi con chung cháu Nguyễn Thới E mỗi tháng 800.000đồng đến suốt đời. Do sửa án nên bà A không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 27/8/2019 nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng A kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định. Nên đơn kháng cáo của bà A được xem xét theo thủ tục phúc thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng A yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi cháu E mỗi tháng 1.000.000đồng đến suốt đời. Hội đồng xét xử nhận định: Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm bà A yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung là cháu Nguyễn Thới E, sinh ngày 24/3/2004 và không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con, do đó Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét giải quyết. Sau khi xét xử sơ thẩm bà A kháng cáo yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con chung là cháu E mỗi tháng 1.000.000đồng đến suốt đời. Tại phiên tòa phúc thẩm ông B tự nguyện cấp dưỡng mỗi tháng 800.000đồng đến suốt đời, bà A không đồng ý nên theo quy định tại Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án cấp phúc thẩm không xem xét giải quyết mà dành cho bà A vụ kiện về cấp dưỡng nuôi con.

[2] Do nguyên đơn bà A và bị đơn ông B ai cũng có nhu cầu về nhà ở, tài sản chung nguyên đơn, bị đơn là: Căn nhà gắn liền với thửa đất số 487, tờ bản đồ số 32, diện tích 254,3m², tọa lạc khóm X1, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long là tài sản chung của bà A, ông B trong thời kỳ hôn nhân, do đó Tòa án cấp sơ thẩm quyết định chia đôi cho ông B bà A là có căn cứ. Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/5/2019, ông B được chia phần đất có diện tích 110,8m², trong đó đất ở là 52,3m², đất trồng cây lâu năm 58,5m², thuộc chiết thửa 487-1, tờ bản đồ số 32. Theo biên bản định giá tài sản ngày 28/3/2019 thì phần đất ông B được chia có giá trị là 129.639.000đồng. Theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/5/2019, bà A được chia phần đất có diện tích 139,5m², trong đó đất ở là 52,3m², đất trồng cây lâu năm 87,2m², thuộc chiết thửa 487-3, tờ bản đồ số 32.

Theo biên bản định giá tài sản ngày 28/3/2019 thì phần đất bà A được chia có giá trị là 187.674.000đồng. Do phần giá tài sản bà A được chia nhiều hơn phần giá trị tài sản ông B được chia là 58.035.000đồng nên án sơ thẩm buộc bà A giao cho ông B $\frac{1}{2}$ phần giá trị tài sản chênh lệch (58.035.000đồng : 2) là 29.018.000đồng là chưa xem xét đến hoàn cảnh nguyên đơn bà A là đang nuôi con chung bị bệnh không thể tự sinh hoạt, điều kiện kinh tế khó khăn, phần giá trị bà A hưởng chênh lệch so với ông B không lớn.

Từ những phân tích trên Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận kháng cáo của bà A, bà A không phải hoàn trả giá trị chênh lệch cho ông B số tiền 29.018.000đồng.

[3] Xét lời đề nghị của người E về quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là không có cơ sở chấp nhận.

[4] Xét lời đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ chấp nhận một phần.

[5] Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí được xác định lại.

Nguyên đơn bà A nộp 9.684.000đồng nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0004194, ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Z, bà A nộp tiếp 9.384.000đồng; Bị đơn ông B nộp 15.332.000đồng nhưng được khấu trừ 2.801.000đồng theo biên lai thu số 0004316, ngày 31/1/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Z, ông B nộp tiếp 12.531.000đồng; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh C nộp 9.000.000đồng.

Án phí phúc thẩm: Nguyên đơn bà A không phải nộp án phí phúc thẩm. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng A 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo lai thu số 0004831, ngày 28/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

[6] Quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; về công nhận cho anh C được hưởng số tiền 360.000.000đồng, buộc anh C giao cho ông B số tiền 180.000.000đồng; về nợ chung; về chi phí tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng Dân sự;

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Nguyễn Thị Hồng A và sửa bản án số 70/2019/HNGĐ-ST ngày 16/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

Áp dụng Điều 56, 59, 62, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 148, Điều 293 của Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về con chung:

Giao con chung tên Nguyễn Thới E, sinh ngày 24/3/2004 cho bà Nguyễn Thị Hồng A nuôi dưỡng; Ông B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng: Cấp sơ thẩm nguyên đơn không yêu cầu. Tại cấp phúc thẩm các đương sự không thỏa thuận được nên dành cho vụ kiện về cấp dưỡng nuôi con.

2. Về tài sản chung:

- Chia cho ông Nguyễn Thới B quyền sử dụng đất gắn liền nhà và tài sản với đất diện tích 110,8m² (trong đó đất ở 52,3m², đất trồng cây lâu năm 58,5m²) thuộc chiết thửa số 487-1 tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khóm X1, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

- Chia cho bà Nguyễn Thị Hồng A quyền sử dụng đất gắn liền nhà và tài sản với đất diện tích 139,5m² (trong đó đất ở 52,3m², đất trồng cây lâu năm 87,2m²) thuộc chiết thửa số 487-3 tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khóm X1, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

- Công nhận diện tích 04m² thuộc chiết thửa 487-2, tờ bản đồ số 32, tọa lạc tại khóm X1, Phường Y, thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long là lỗi đi chung của ông B và bà A.

(Kèm theo trích đo bản đồ địa chính khu đất ngày 04/5/2019).

Ông Nguyễn Thới B và bà Nguyễn Thị Hồng A có nghĩa vụ đến cơ quan có thẩm quyền để kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí:

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà A nộp 9.684.000đồng án phí nhưng được khấu trừ 300.000đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0004194, ngày 10/12/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Z, bà A nộp tiếp 9.384.000đồng (Chín triệu ba trăm tám mươi bốn ngàn đồng); Bị đơn ông B nộp 15.332.000đồng nhưng được khấu trừ 2.801.000đồng theo biên lai thu số 0004316, ngày 31/1/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự Thành phố Z, ông B nộp tiếp 12.531.000đồng (Mười hai triệu năm trăm ba mươi một ngàn đồng); Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh C nộp 9.000.000đồng (Chín triệu đồng).

Án phí phúc thẩm: Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Hồng A 300.000đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo lai thu số 0004831, ngày 28/8/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Z, tỉnh Vĩnh Long.

3. Quyết định khác của bản án sơ thẩm về quan hệ hôn nhân; về công nhận cho anh C được hưởng số tiền 360.000.000đồng, buộc anh C giao cho ông B số tiền 180.000.000đồng; về nợ chung; về chi phí tố tụng khác không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDTC: 01;
- VKSNDTVL: 02;
- TNV: 01;
- TAND TPVL: 01;
- Chi cục TPVL: 01;
- Đ/s: 04;
- Lưu hồ sơ vụ án: 06.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Tư

